

Số: /GPMT-UBND

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 8067/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ, trách nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 564/KTA-KTAT ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của trụ sở chính PVGAS D & PVGAS S (Tòa nhà Gas Tower) tại Vũng Tàu, các Bản nhận xét của thành viên Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của trụ sở chính PVGAS D & PVGAS S (Tòa nhà Gas Tower) tại Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3229/TTr-TNMT ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường trụ sở chính PVGAS D & PVGAS S (Tòa nhà Gas Tower) tại Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Trụ sở chi nhánh của PVGAS D và PVGAS S (Tòa nhà Gas Tower), địa chỉ số 61B, đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trụ sở chính PVGAS D & PVGAS S (Tòa nhà Gas Tower) tại Vũng Tàu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 61B, đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0304998686-001 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/05/2024.

1.4. Mã số thuế: 0304998686

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Tòa nhà văn phòng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường.

- Các chỉ tiêu quy hoạch của khu đất cải tạo:

+ Tổng diện tích khu đất: 1.690 m²;

+ Tổng diện tích xây dựng: 610 m²;

+ Tổng diện tích xây dựng sàn (không tính tầng hầm, sân thượng, mái): 4.445 m²;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 5.832,5 m²;

+ Số tầng cao: 10 tầng.

- Tổng mặt bằng của cơ sở:

+ Công ra vào: Bố trí 2 công ra vào bên phía đường 30/4, mỗi công rộng 5m, cửa xếp tự động.

+ Công trình trụ sở văn phòng: Diện tích xây dựng là 560m², tổng số tầng là 10 tầng, chiều cao là 40,3m với tổng diện tích sàn là 5.832,5m². Được bố trí vào giữa khu đất lùi về phía sau theo yêu cầu của quy hoạch và thể hiện yếu tố chính – phụ của công trình.

+ Bãi xe: Trên khu đất có hai bãi xe, một bãi xe hơi diện tích là 95m² được bố trí ngay góc Nam trụ sở văn phòng là bãi xe dành cho khách, một bãi xe hai bánh diện tích là 47,5 m² dành cho nhân viên.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo tiếng ồn, độ rung, khí thải và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thành phố Vũng Tàu, Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND phường Thắng Nhất nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố Vũng Tàu.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày thángnăm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp UBND phường Thắng Nhất và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

(Giấy phép môi trường này thay thế Giấy phép môi trường số 7051/GPMT-UBND ngày 28/6/2024)

Nơi nhận:

- Sở TN và MT tỉnh BR-VT;
- CT. UBND thành phố Vũng Tàu (b/c);
- Các Phòng: TNMT, QLĐT;
- UBND phường Thắng Nhất;
- Trang thông tin điện tử của UBND TPVT;
- Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (chủ dự án);
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Hồng Thuận

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày/...../2024
của UBND thành phố Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

01 nguồn nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

2. Dòng nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: tại hố ga hiện hữu đầu hẻm 61, đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu.

2.2. Vị trí điểm xả thải (vị trí xả nước thải và nguồn tiếp nhận):

- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải vào cống thoát nước chung của thành phố trước địa chỉ 61B, đường 30, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X = 1148135; Y = 427876.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: lưu lượng tối đa là $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: 01 nguồn nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, sử dụng máy bơm vào điểm xả thải.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

2.3.4. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, áp dụng hệ số $K=1,2$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K =1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	–	5,5 đến 9	02 lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200		
5	NH ₄ ⁺	mg/l	12		
6	S ²⁻	mg/l	4,8		
7	NO ₃ ⁻	mg/l	60		
8	PO ₄ ³⁻	mg/l	12		
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa vào hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh (xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn) được thu gom đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của tòa nhà, tọa độ vị trí đầu nối nước thải sau xử lý của cơ sở với đường cống thoát nước chung của thành phố Vũng Tàu: X=1148135, Y= 427876.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ trụ sở theo ống thoát nước được thu gom tập trung về bể điều hòa. Bể điều hòa có chức năng cân bằng dòng chảy, ổn định nồng độ các chất, điều hòa lưu lượng, đồng thời các chất hữu cơ sẽ được phân hủy một phần nhờ các vi khuẩn cũng như đặc điểm của nước thải. Nước thải từ bể điều hòa sẽ được bơm qua bể sinh học hiếu khí SBR. Sau đó nước trong bên trên sẽ được hệ thống bơm bơm lên cột lọc áp lực, tại đây những cặn bùn li ti không lắng được ở bể SBR sẽ được giữ lại ở lớp vật liệu lọc. Nước thải sau khi qua cột lọc đã sạch hoàn toàn và được tiếp xúc với hóa chất khử trùng trên đường ống chảy ra cống thoát nước.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,2 sẽ được thải ra cống thoát nước chung của thành phố trên đường 30/04 sau theo hệ thống và chảy ra sông Dinh.

- Công suất 20m³/ngày. Đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch Chlorine/clorin 70%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

- Phòng chống cháy nổ:

+ Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy và an toàn trong quá trình quản lý vận hành công ty

+ Lắp đặt hệ thống báo cháy, trang bị các phương tiện chữa cháy cầm tay.

+ Huấn luyện cán bộ, công nhân viên công ty hiểu biết nắm bắt mọi kế hoạch trong việc ứng phó, khắc phục khi có sự cố cháy xảy ra.

- Phương án cứu nạn cứu hộ:

+ Các thành viên đội PCCC tiên hành chữa cháy theo phương án chữa cháy được công an PCCC phê duyệt. Các thành viên tham gia chữa cháy phải sử dụng phương tiện bảo hộ được bố trí để đảm bảo sự an toàn khi tham gia hoạt động chữa cháy.

+ Báo ngay cho chính quyền địa phương, cơ quan tổ chức có liên quan.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: khoảng 06 tháng kể từ ngày được UBND thành phố Vũng Tàu cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian vận hành chính thức: Sau khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm (03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm.

2.2.1. Vg trình, thình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Chất ô nhiễm chính: pH, Tổng phospho, Tổng Nitơ, SS, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng và Coliform.

- Giá trị giới hạn cho phép: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, áp dụng hệ số K=1,2.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI

TIẾNG ÒN, KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày .../.../2024

của UBND thành phố Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN VỀ TIẾNG ÒN, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, khí thải:

- Khu đặt 2 máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, khí thải:

- Tiếng ồn:

+ Tọa độ X = 1183425, Y = 410623.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

- Khí thải:

+ Dòng khí thải số 01: Tương đương với ống khói số 01 (KT1) nguồn số 01 của máy phát điện dự phòng, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1183425; Y = 410623 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng khí thải số 02: Tương đương với ống khói số 02 (KT1) nguồn số 02 của máy phát điện dự phòng, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1183427; Y = 410625 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn phải đảm bảo:

Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT cụ thể như sau:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

4. Khí thải phải đảm bảo:

- Dòng khí thải số 01, 02: Trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B (hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	SO ₂	mg/Nm ³	500		Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98
2	NO ₂	mg/Nm ³	850		
3	CO	mg/Nm ³	1.000		
4	Bụi	mg/Nm ³	200		

					Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
--	--	--	--	--	--------------------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.
- Các mối nối thiết bị được gắn lót cao su trước khi ráp nối với nhau.
- Bố trí thời gian làm việc phù hợp tránh để người làm việc tiếp xúc quá thời gian quy định trong khu vực có độ ồn cao.
- Trang bị trang thiết bị bảo hộ, chống ồn cá nhân cho người làm việc.

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải

- Lắp đặt hệ thống thu gom và phát tán bằng ống thải đường kính 160mm ở khu vực máy phát điện.
- Lắp đặt máy hút mùi khu vực bếp, lắp đặt hệ thống thông gió khu vực nấu ăn...
- Tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện giao thông, vận chuyển nhằm hạn chế gây ô nhiễm không khí
- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh sân, hành lang, đường nội bộ, khu dịch vụ ăn uống, nghỉ dưỡng

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, khí thải phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn tại các quy định liên quan (nếu có).

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày/...../2024
của UBND thành phố Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh.**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.

Số TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Khối lượng/năm
01	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg	10
02	Hộp mực in	08 02 04	kg	15
03	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	kg	50
04	Pin, ắc quy thải	16 01 12	kg	30
05	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	kg	110
06	Bao bì mềm	18 01 01	kg	10
07	Bao bì kim loại cứng	18 01 02	kg	10
08	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	kg	10
Tổng cộng			kg	245

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng/năm
1	Giấy carton, giấy văn phòng	kg/năm	200
Tổng khối lượng		-	200

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng/năm
1	Rác thải sinh hoạt	Kg	13000
Tổng khối lượng		Kg	13.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng chứa rác chuyên dụng, can nhựa.

- Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại

- Diện tích: Khoảng 4 m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho có tường bao, mái che và đặt biển báo thông báo đặc tính nguy hại của chất thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí khu vực tập kết và chuyển giao rác phù hợp.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác có dung tích phù hợp, có nắp đậy tại các khu vực có phát sinh chất thải để chứa chất thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho lưu chứa: Bố trí khu vực tập kết và chuyển giao rác phù hợp.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Khuyến khích chủ dự án tăng cường các hoạt động tái sử dụng trong quá trình hoạt động.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng quy định phải thực hiện.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Dự án không thuộc đối tượng quy định phải thực hiện.

C. CÁC YÊU CẦU KHÁC

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Khoản 1, Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.